

ĐIỀU TRA KỶ VỌNG DOANH NGHIỆP MALAYSIA

I. Giới thiệu

Điều tra kỳ vọng doanh nghiệp (Business expectations survey - BES) đã được Cục Thống kê Malaysia tiến hành lần đầu vào năm 1976. Điều tra thu thập thông tin thực tế, thông tin dự báo của một mẫu điều tra các công ty. Từ năm 1980, chu kỳ điều tra theo quý đã được chuyển sang làm 2 năm một lần. Thời kỳ 1976-1983, điều tra về kỳ vọng doanh nghiệp chỉ tiến hành ở Bang Peninsular của Malaysia, và từ 1984 trở lại đây BES đã được mở rộng ra phạm vi cả nước.

Do nhu cầu cấp thiết về dữ liệu lúc đó nhằm giúp các cơ quan chức năng giám sát những xu thế của nền kinh tế cũng như cung cấp các chỉ tiêu về dự báo ngắn hạn, nên Cục Thống kê Malaysia đã tiến hành triển khai loại điều tra này. Chúng ta nhận thức là nếu như các chính sách đưa ra đáp ứng được những môi trường thay đổi, thì công tác giám sát chặt chẽ nền kinh tế là điều cần thiết. Trước đây, Cục Thống kê Malaysia đã cung cấp những dữ liệu phù hợp về xu thế kinh tế hiện thời, nhưng không thu thập thông tin về sự phát triển mang tính dự báo trong tương lai gần. Chính nhờ việc tiến hành điều tra kỳ vọng doanh nghiệp mà Cục Thống kê Malaysia hướng tới san lấp hố ngăn cách về dữ liệu đó.

Mục tiêu của điều tra chủ yếu giám sát việc thực hiện trong tập đoàn kinh tế của nền kinh tế, đồng thời cung cấp thông tin quan trọng về kỳ vọng ngắn hạn của những vấn đề quan tâm.

II. Những bước triển khai

1. Phương pháp lấy mẫu và diện điều tra

Diện điều tra là các công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân và tập thể được chọn ra ở Malaysia. Đối tượng là những công ty lớn trong từng khu vực kinh tế được phân theo Hệ thống phân loại ngành nghề Malaysia (MIC). Thiết kế mẫu sử dụng phương pháp lấy mẫu có chủ đích.

Tổng số 270 công ty được chọn thông qua mẫu 3 cấp dựa trên danh sách các công ty có được từ điều tra tài chính về công ty.

Mẫu cấp một gồm 270 công ty được chỉ định ra trong các khu vực dựa vào đóng góp của các khu vực đó về doanh thu gộp, việc làm và giá trị tài sản cố định trong toàn thể các khu vực.

Mẫu cấp 2, đại diện các ngành trong nội bộ từng khu vực dựa vào đóng góp của các ngành đó vào doanh thu gộp trong khu vực đó.

Ở giai đoạn cuối, các công ty được chọn ra trong từng ngành dựa vào đóng góp của từng công ty vào doanh thu gộp. Như vậy, những công ty được chọn vào là những đơn vị có doanh thu gộp cao nhất trong ngành.

Phân bổ của 270 công ty được chọn phân theo các lĩnh vực (xem bảng):

Các công ty được chọn là những công ty lớn trong từng lĩnh vực. Theo cuộc điều tra tài chính doanh nghiệp, nhìn chung những công ty này chiếm khoảng 34,5% tổng thu nhập, 51,4% tổng tài sản cố định và 27% số lao động.

PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG ĐIỀU TRA THEO CÁC LĨNH VỰC

<i>STT</i>	<i>Lĩnh vực</i>	<i>Phân loại nghề nghiệp</i>	<i>Số lượng công ty</i>
1	Đồn điền	11.121–11.123	20
2	Khai thác gỗ	12.200	6
3	Khai thác dầu và điện	22.000–41.010	4
4	Công nghiệp	31.110–38.441	123
5	Xây dựng	50.011–50.013	20
6	Bán buôn	61.170-61.500	25
7	Bán lẻ	62.190–62.430	15
8	Khách sạn	63.200	7
9	Ngân hàng, tài chính	82.001–83.250	13
10	Bảo hiểm & bất động sản	71.110-71.310	17
11	Giao thông, viễn thông	72.009	5
	Tổng số		270

Điều tra kỳ vọng doanh nghiệp thu thập thông tin thực tế và thông tin dự báo trong hoạt động của các khu vực ở Malaysia. Thông tin thu thập được về 6 chỉ tiêu sau:

- Doanh thu gộp
- Đầu tư mới về TSCĐ
- Lao động
- Sản lượng sản xuất
- Dự báo những khó khăn, thách thức sắp tới
- Hàng tồn kho.

2. Nội dung các chỉ tiêu thu thập

- Tổng doanh thu thực tế từ bán hàng hoá, dịch vụ cho khách hàng (kể cả đơn đặt

hàng nếu có: cước phí vận chuyển, bảo hiểm,v.v... do công ty chi trả thông báo cho biết). Loại trừ những khoản thu đặc biệt như lãi/ lỗ thu được và những khó khăn đột xuất,v.v...

- Đầu tư tài sản cố định: tài sản cố định bao gồm nhà xưởng, máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông có tuổi thọ trên một năm mà công ty còn sử dụng.

Lao động: Tổng số người đăng ký làm việc bao gồm cả người được trả tiền công lẫn không được trả công, những người làm đủ thời gian và không đủ thời gian thông qua hợp đồng lao động.

- Sản lượng sản xuất: chỉ tiêu này phản ánh kỳ vọng về năng lực thực hiện trong 6

tháng tới, cụ thể: sản lượng sản xuất, doanh thu, khối lượng thực hiện giao dịch .

- Những khó khăn, cản trở cần phải lường trước: Là những nhân tố ảnh hưởng đến mức sản xuất của công ty, cụ thể như đơn đặt hàng, hàng hoá bán ra, lực lượng lao động sẵn có, điều kiện thời tiết.

- Hàng tồn kho: bao gồm nguyên nhiên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm và bảng kê khai hàng hoá, tức là hàng hoá mua để bán lại (để bán buôn và bán lẻ)

3. Tổng hợp các kết quả

- Kết quả của cuộc điều tra kỳ vọng doanh nghiệp được tổng hợp, thông báo cho người quan tâm theo chu kỳ nửa năm một lần.

- Báo cáo chủ yếu thông báo tóm tắt về doanh thu gộp, sử dụng vốn, lao động, sản lượng sản xuất và những khó khăn cản trở của 270 công ty với những bảng phân tích thống kê chia theo khu vực.

- Biểu 1: Trình bày số liệu về doanh thu gộp, chi đầu tư TSCĐ và lao động của 3 thời kỳ đưa ra với mục đích so sánh, tức là nửa đầu 2005, số liệu thực tế của nửa cuối năm 2004 và dự báo cho nửa năm cuối 2005. Cũng có giới thiệu thay đổi tỷ lệ % giữa các thời kỳ.

- Biểu 2: Doanh thu gộp chia theo khu vực của 3 thời kỳ cùng với những thay đổi về tỷ lệ phần trăm.

- Biểu 3: Doanh thu gộp của khu vực sản xuất chia theo ngành nghề đối với 3 giai đoạn, cùng với thay đổi về tỷ lệ phần trăm.

- Biểu 4: Doanh thu gộp chia theo khu vực đối với giai đoạn 12 tháng, số liệu thực tế và dự báo, cụ thể là của năm 2004 và 2005 cùng với tỷ lệ phần trăm.

- Biểu 5: Doanh thu gộp của khu vực sản xuất chia theo ngành theo chu kỳ 12 tháng.

- Biểu 6: Chi đầu tư TSCĐ theo loại tài sản 3 thời kỳ, cùng với thay đổi về phần trăm.

- Biểu 7: Chi đầu tư TSCĐ theo khu vực đối với 3 thời kỳ, cùng với thay đổi về tỷ lệ phần trăm.

- Biểu 8: Chi đầu tư TSCĐ của khu vực sản xuất chia theo ngành đối với 3 thời kỳ, cùng với thay đổi tỷ lệ phần trăm.

- Biểu 9: Việc làm chia theo khu vực về 3 thời kỳ, cùng với tỷ lệ phần trăm.

- Biểu 10: Việc làm của khu vực sản xuất chia theo ngành đối với 3 thời kỳ, cùng với tỷ lệ phần trăm.

- Biểu 11: Triển vọng về sản lượng sản xuất theo khu vực.

- Biểu 12: Khả năng về những trở ngại chia theo khu vực.

- Biểu 13: Khả năng về những trở ngại chia theo ngành sản xuất.

Kết quả điều tra phục vụ cho nhiều đối tượng sử dụng khác nhau như: Ủy ban Kế hoạch, Bộ Tài chính, Ngân hàng, Hải quan và một số đối tượng khác■

Trần Mạnh Hùng (giới thiệu)

Nguồn: Business Expectations Survey in Malaysia